

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 92/2018/HC-PT

Ngày 04/6/2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định phê duyệt
phương án bồi thường*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến, ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 114/TB-TLVA ngày 20/12/2017 về “*Khiếu kiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114B/2018/QĐ-PT ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1966;

1.2. Bà Đỗ Thị N, sinh 1974;

1.3. Bà Đỗ Thị A, sinh 1971;

Ông K, bà N và bà A cùng trú tại 35A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ông K, bà N ủy quyền cho bà A tham gia tố tụng theo *Giấy ủy quyền* lập ngày 24/3/2018 tại Văn phòng Công chứng Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà A có mặt tại phiên tòa.

Luật sư Nguyễn Tiến T - Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện; Luật sư T có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lưu Văn K - Phó Chủ tịch UBND thành phố B theo Văn bản ủy quyền số 21/UQ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B; ông K có Văn bản số 1769/UBND-VP ngày 28/5/2018 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện gồm ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N và bà Đỗ Thị A trình bày:

Từ năm 1986, ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị A và bà Đỗ Thị N đã ký với Công ty TNHH Một thành viên Cà phê B các Hợp đồng liên kết trồng cà phê; đến năm 2013 các bên ký lại Hợp đồng với thời hạn liên kết trồng cà phê 25 năm. Diện tích đất bà A nhận liên kết là 11.000m² thuộc thửa 14, 4-1, tờ bản đồ 22-2 và thửa đất số 4-3, bản đồ số 22-2; diện tích đất ông K nhận liên kết là 16.086 m² thuộc thửa số 04 tờ bản đồ số 22-1; diện tích đất bà N nhận liên kết là 10.000m² thuộc thửa số 4-2 tờ bản đồ số 22-2. Bà A, bà N và ông K sử dụng đất đúng mục đích là trồng cà phê; ngoài ra, còn trồng xen canh một số loại cây ăn trái đến nay đã cho thu hoạch, và một số cây làm hàng rào, cây chắn gió.

Ngày 19/5/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi của đất của nhiều hộ dân để thực hiện Dự án khu dân cư đường H; đất bà A, bà N và ông K nhận liên kết với Công ty Cà phê B thuộc diện thu hồi để thực hiện dự án. Cùng ngày 19/05/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4805/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ dự án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Sau khi nhận được Quyết định số 4805 thì bà A, bà N và ông K nhận thấy Quyết định này ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các Ông Bà, cụ thể:

+ Khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định mức hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất là không quá 30% giá đất nông nghiệp tại địa phương được UBND tỉnh phê duyệt; nhưng Quyết định 4805 của UBND thành phố B nêu trên chỉ hỗ trợ các Ông Bà mức 15%, trong khi tại các Dự án khác như Công trình trường Đại học Tây Nguyên, trường Hoàng Việt...vv thì UBND thành phố B áp dụng hệ số hỗ trợ 30% là không công bằng đối với các Ông Bà.

+ Tại khu vực có đất bị thu hồi tại phường T, phường A, điển hình là công trình Học viện hành chính Quốc gia, Đường tránh Đông Tây K...vv thì khi thu hồi đất UBND thành phố B đều hỗ trợ đền bù giá trị cây trồng xen canh trên đất là 60% và còn hỗ trợ khác 30%, nhưng Quyết định 4805 nêu trên, không hỗ trợ giá trị cây trồng xen canh cho các Ông Bà là không công bằng.

Vì lý do trên, các Ông Bà đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/05/2016 của UBND thành phố B đối với phần nội dung có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà A, ông K và bà N.

- *Tại Văn bản giải trình gửi đến Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B (người bị kiện) trình bày:*

+ Về hỗ trợ đất bị thu hồi với mức 15 % theo giá đất nông nghiệp thì:

Ngày 19/5/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4806/QĐ-UBND thu hồi 35.630,7 m² đất của Công ty Cà phê B để thực hiện Dự án khu dân cư đường H; trong đó có 26.976,2m² đất do các hộ Đỗ Thị N, Đỗ Văn K, Đỗ Thị A đang sử dụng dưới hình thức nhận khoán. Theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì các hộ dân nêu trên không được bồi thường về đất; nhưng theo quy định tại khoản 3, Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì “*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013 thì được xem xét hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. Mức hỗ trợ do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định nhưng tối đa không quá 30% giá đất nông nghiệp được bồi thường*”. Như vậy, việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 xác định mức hỗ trợ cho các hộ Đỗ Thị A, Đỗ Thị N, Đỗ Văn K là 15% là thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.

+ Về nội dung người khởi kiện nêu UBND thành phố B bồi thường thiếu giá trị tài sản là cây trồng trên đất thì:

Căn cứ các biên bản kiểm kê do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với Ban Quản lý các dự án, UBND phường T, có sự tham gia của bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị A lập vào các ngày 31/7/2015, 06/08/2015, 07/08/2015, thì các tài sản là cây trồng trên đất của các hộ bà N, bà A, ông K đã được kiểm kê đầy đủ; tuy nhiên, ba hộ này không được Thành phố bồi thường giá trị cây trồng là vì vượt mật độ cây trồng theo quy định kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 09/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

{1}. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Khoản 3 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk; căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị A. Hủy một phần Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi, phần nội dung hỗ trợ khác cho hộ gia đình ông Đỗ Văn K bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị A. Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phương án hỗ trợ cây trồng xen theo đúng quy định của pháp luật.

{2}. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N bà Đỗ Thị A mỗi người được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo các biên lai thu số 1181 ngày 11/5/2017, số 1178 ngày 10/5/2017 và số 1177 ngày 09/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày 13/11/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì:

+ Về hỗ trợ 15% giá đất nông nghiệp thì: Việc áp mức hỗ trợ 15% hoặc 30% là thuộc thẩm quyền của UBND thành phố B. Hơn nữa đất khu vực thu hồi xây dựng Học viện hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên tuy áp mức hỗ trợ 30%, nhưng giá đất chỉ là 75.000đ/m² nên số tiền được bồi thường cho 10.000m² đất chỉ là 10.000m² x 75.000đ/m² x 30% = 225.000.000đ; còn đất của hộ bà A, bà N và ông K bị thu hồi tuy chỉ áp mức hỗ trợ 15%, nhưng giá đất là 1.000.350 đ/m² nên số tiền bồi thường cho 10.000m² là 10.000m² x 1.000.350đ/m² x 15% = 1.000.350đ là lớn hơn rất nhiều.

+ Về nội dung không hỗ trợ cây trồng xen thì: Theo nội dung Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì nếu cây trồng đúng mật độ thì được bồi thường 100% theo đơn giá, nếu cây trồng vượt mật độ thì không được bồi thường. Trường hợp hộ bà A, bà N, ông K trồng cây

vượt mật độ nên không được bồi thường; riêng trường hợp bồi thường cho đất thu hồi xây dựng công trình Học viện hành chính Quốc gia khu vực Tây nguyên thì UBND thành phố có hỗ trợ 60% đơn giá cây trồng xen là thực hiện theo Thông báo số 119/TB-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm;

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; về nội dung Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Về thủ tục tố tụng:

{1.1}. Về quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường H, phường T, thành phố B (đợt 1)* khi thu hồi đất của các hộ gia đình ông K, bà N, bà A có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ nên ông K, bà N, bà A có quyền khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

{1.2}. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/4/2017 ông K, bà N và bà A khởi kiện đối với Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường H, phường T, thành phố B (đợt 1)* là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

{1.3}. Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị A là người khởi kiện; UBND

thành phố B là người bị kiện là đúng quy định tại các Điều 59, 60 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Từ các điểm {1.1}, {1.2} và {1.3} nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án hành chính là đúng quy định về thủ tục tố tụng theo quy định tại Luật tố tụng hành chính 2015; do có kháng cáo của UBND thành phố B nên thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án thuộc Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

{2}. Về nội dung Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường H, phường T, thành phố B (đợt 1)*, cấp phúc thẩm thấy:

{2.1}. Diện tích 26.976,2m² đất mà hộ bà N, ông K và bà A bị thu hồi để thực hiện dự án khu dân cư đường H, thành phố B là đất nhận khoán với Công ty TNHH Một thành viên Cà phê B mà Công ty được Nhà nước tạm giao sử dụng nên theo quy định tại Điều 75, khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì đất mà ba hộ bị thu hồi không được bồi thường về đất. Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “*Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng với người có đất bị thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định*”. Khoản 3 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định “*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013 thì được xem xét hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể. Mức hỗ trợ do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định nhưng tối đa không quá 30% giá đất nông nghiệp được bồi thường*”. Điều 2 Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định: “*Đối với việc xem xét hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh cho các hộ*

nhận khoán trên diện tích đất hiện do Công ty TNHH MTV Cà phê B quản lý, giao UBND thành phố B xem xét áp dụng mức hỗ trợ cho phù hợp. Tránh tình trạng phát sinh vấn đề so bì, khiếu kiện giữa các hộ dân đã được áp dụng mức hỗ trợ này theo các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh, UBND thành phố B phê duyệt tại các dự án khác trên cùng địa bàn”.

Thực tế, tại khu vực đất mà UBND thành phố B thu hồi để thực hiện Công trình Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên thì tại Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 30/9/2015, UBND thành phố B đã áp mức hỗ trợ 30% theo giá đất nông nghiệp; nhưng tại Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016, UBND thành phố B lại áp mức hỗ trợ cho đất của các hộ bà N, bà A, ông K bị thu hồi là 15% theo giá đất nông nghiệp là trái với quy định tại Điều 2 Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Mặt khác, đất của hộ bà N, bà A, ông K bị thu hồi để sử dụng vào mục đích thương mại (làm hạ tầng, bán xây dựng khu dân cư) thì chỉ được áp mức hỗ trợ 15% theo giá đất nông nghiệp; còn đất bị thu hồi của những hộ dân khác để sử dụng vào mục đích giáo dục (xây dựng Học viện Hành chính Quốc gia Khu vực Tây Nguyên) lại được áp mức hỗ trợ 30% theo giá đất nông nghiệp là không công bằng, dẫn đến tình trạng “so bì, khiếu kiện” giữa các hộ dân bị thu hồi đất tại địa phương.

{2.2}. Về bồi thường, hỗ trợ cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh thì thấy: Tại Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, UBND tỉnh Đắk Lắk quy định khi thu hồi đất trên địa bàn tỉnh thì các hộ dân chỉ được bồi thường về cây trồng trên đất nếu trồng theo đúng mật độ quy định. Tuy nhiên, khi UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 01/2011/QĐ-UBND nêu trên dựa trên quy định tại Luật Đất đai năm 2003 và Pháp lệnh Giá năm 2002; nhưng thời điểm năm 2015 thì các Văn bản này đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Luật Đất đai năm 2013 và Luật Giá năm 2012 nên Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk không còn phù hợp với thực tiễn, giá cả thị trường. Thực tế, tại Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND thành phố B về thu hồi đất xây dựng công trình Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên cũng đã chấp nhận bồi thường 100% giá trị cây nếu trồng đúng mật độ, bồi thường 60% giá trị cây nếu trồng xen. Hơn nữa, trên thực tế, việc các hộ dân trồng xen canh không chỉ góp phần làm tăng độ màu mỡ cho đất, che bớt nắng, mưa, chắn gió bão, mà còn hạn chế rủi ro khi “mất mùa, mất giá” nếu chỉ độc canh cây trồng và phù hợp với chủ trương, chính sách khuyến nông của Đảng và Nhà nước. Do đó, việc UBND

thành phố B không bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh cho các hộ bà N, bà A, ông An là thiếu công bằng và không phù hợp với thực tế và chủ trương khuyến nông của Đảng, Nhà nước.

Từ phân tích tại các luận điểm {1}, {2} nêu trên cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các hộ bà N, bà A, ông K hủy một phần Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường H, phường T, thành phố B (đợt 1)* về phê duyệt phương án hỗ trợ, bồi thường cho 3 hộ gia đình ông K, bà N, bà A; buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ cây trồng xen canh là có cơ sở, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố B kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242, 348, 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, tuyên xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206, Áp dụng khoản 3 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

(1). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N, bà Đỗ Thị A, hủy một phần Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường H, phường T, thành phố B (đợt 1)* đối với 3 hộ gia đình ông K, bà N và bà A; buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ cây trồng xen canh cho hộ gia đình ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N và bà Đỗ Thị A theo đúng quy định của pháp luật.

(2). Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; ông Đỗ Văn K, bà Đỗ Thị N và bà Đỗ Thị A mỗi người được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 1181 ngày 11/5/2017, số 1178 ngày 10/5/2017 và số 1177 ngày 09/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

(3). Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà UBND thành phố B (do ông Nguyễn Đức H) nộp tại Biên lai thu số 0002277 ngày 21/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân